

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/DSST
Ngày: 17- 6 -2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hạnh - *Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị Diệp L, Sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, KV1, phường N, Tp. Q, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đỗ T, Sinh năm: 1961 (có mặt)

Địa chỉ: 63/2 Hai Bà T, Tp. Q, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị Kim T, sinh năm: 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 36 Mai Xuân T, Thị trấn D, huyện T, tỉnh B.

2. Anh Mai Xuân T, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu vực 1, phường N, thành phố Q, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệp L trình bày: Qua môi giới của

chị Hoàng Thị Kim T nên vào ngày 14/01/2020 chị có cho ông Nguyễn Đỗ T vay 1.550.000.000đồng, mục đích vay là để ông T trả nợ đáo hạn ngân hàng lấy sổ đỏ nhà 63/2 Hai Bà T, thành phố Q của ông T ra vay lại tăng thêm trả tiền cho chị. Hai bên thỏa thuận lãi suất 0,1%/ngày. Thời hạn trả ngày 20/01/2020. Ông T có viết giấy mượn tiền và khi vay ông T có đưa cho chị giữ sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của ông T để làm tin. Sau khi vay ông T không trả gốc và lãi cho chị. Đúng hạn trả nợ chị đã gọi điện thoại cho ông T nhiều lần nhưng ông T không nghe máy và nhắn tin cũng không trả lời.

Nay chị yêu cầu ông Nguyễn Đỗ T phải có nghĩa vụ trả cho chị 1.550.000.000đồng tiền gốc vay và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 14/01/2020 đến khi Tòa giải quyết vụ án. Riêng việc chị T mượn tiền ông T có viết giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2018 là quan hệ vay mượn giữa ông T và chị T không liên quan đến chị và cũng không liên quan đến việc ông T nợ tiền của chị.

Tại bản khai ngày 24/02/2020, các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đỗ T trình bày: Ông không có vay mượn tiền của chị L và ông cũng không quen biết chị L.

Nguyên trước đây vào năm 2016 ông có thể chấp ngôi nhà của ông tại 63/2 Hai Bà T, thành phố Q vay Ngân hàng Á Châu (ACB) 1.500.000.000đồng để cho chị Hoàng Thị Kim T mượn và chị T có viết giấy mượn tiền ghi ngày 01/01/2018 mà hiện nay ông đang giữ và đã cung cấp cho Tòa. Đến ngày 14/01/2020 là ngày đáo hạn Ngân hàng Á Châu (ACB) nên chị T có đưa cho ông mượn 1.550.000.000đồng để ông trả nợ đáo hạn ngân hàng lấy sổ nhà ra vay lại tăng thêm cho chị T mượn tiếp. Lúc đó ông có ký vào giấy vay 1.550.000.000đồng của chị L đề ngày 14/01/2020 nhưng ông không xem nội dung. Số tiền mà chị T cho ông mượn để trả nợ đáo hạn ngân hàng là tiền của chị L.

Nay chị L yêu cầu ông phải trả 1.550.000.000đồng thì ông không đồng ý. Vì đây là số tiền của chị T trả nợ cho ông. Cho nên chị T có nghĩa vụ trả nợ cho chị L.

Tại bản khai ngày 03/3/2020 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Kim T trình bày: Nguyên trước đây vào năm 2003 chị có vay ông T 600.000.000đồng. Sau đó chị vay thêm 900.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 30.000.000đồng/tháng. Đến ngày 01/01/2018 chị và ông T thống nhất gộp lại viết chung một giấy nợ tổng cộng là 1.500.000.000đồng. Thời hạn vay là 05 năm đến ngày 01/01/2023 mới đến hạn trả nợ. Sau khi vay tiền của ông T thì chị đã trả lãi đầy đủ và chưa đến hạn trả nợ.

Đến cuối năm 2019 chị có trao đổi với ông T là chị thiếu vốn làm ăn và ông T cũng cần tiền. Ông T nói chuyển sổ đỏ đang vay tại Ngân hàng Á Châu qua Ngân hàng Viettinbank vay cao hơn bên Ngân hàng Á Châu 300.000.000đồng. Ngân hàng Viettinbank có đến nhà ông T ở tại 63/2 Hai Bà T, thành phố Q thẩm định và đồng ý cho vay 1.800.000.000đồng. Ông T có nhờ

chị giới thiệu người cho vay để ông vay tiền trả nợ cho Ngân hàng Á Châu lấy sổ đỏ ra vay lại Ngân hàng Viettinbank. Chị có nhờ chị Nguyễn Thị Thanh D giới thiệu và quen biết chị L cho vay. Chị có trao đổi với chị L và được chị L đồng ý cho ông T vay để trả nợ đáo hạn Ngân hàng Á Châu. Vào chiều ngày 14/01/2020 chị L có đem tiền đến Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Thái H để cho ông T vay trả nợ Ngân hàng và ông T có ký vào giấy mượn tiền chị L 1.550.000.000đồng lúc đó có mặt cả 03 người là chị, ông T và chị L. Chị là người viết giấy mượn tiền dùm cho ông T và chị L đã giao tiền cho ông T tại Ngân hàng Á Châu – Chi nhánh Nguyễn Thái H. Lúc đó đợi rút sổ nhà ông T nhưng Ngân hàng báo sáng mai mới được rút sổ. Đến ngày hôm sau thì chị L báo với chị là ông T đã rút sổ rồi.

Nay chị L yêu cầu ông T trả 1.550.000.000đồng tiền gốc và tính lãi theo quy định của pháp luật thì chị không có ý kiến gì. Vì đây là việc ông T vay tiền của chị L thì ông T có trách nhiệm trả chứ chị không có liên quan.

Còn việc chị vay tiền của ông T 1.500.000.000đồng thì chị với ông T tự giải quyết với nhau không liên quan đến khoản nợ ông T vay tiền chị L. Hơn nữa chị vay tiền của ông T chưa đến hạn trả nợ và chị cũng đang trả lãi đầy đủ cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Xuân T trình bày: Anh là em họ của chị L. Ngày 14/01/2020 chị L có nhờ anh đi cùng đến Ngân hàng Á Châu (ACB) – Chi nhánh Nguyễn Thái H để chị L cho ông T vay trả nợ đáo hạn ngân hàng, số tiền chị L cho ông T vay là 1.550.000.000đồng (có viết giấy mượn tiền). Chị L đã giao tiền cho ông T tại Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Thái H. Trong lúc chị L nộp tiền vào tài khoản của ông T thì chị L đưa trước cho ngân hàng làm thủ tục trước 1.000.000.000đồng. Còn lại 550.000.000đồng chị L để trên bàn giao dịch chờ ngân hàng làm thủ tục thì sẽ nhận tiếp. Nhưng do chiều hôm đó gia đình chị L gặp sự cố nên chị L giao số tiền trên cho ông T và nhờ anh nộp vào tài khoản của ông T để ông T trả nợ đáo hạn ngân hàng. Trong lúc chờ nhân viên ngân hàng đếm tiền và làm thủ tục thì ông T bảo anh ra ghế ngồi chờ và ông T tự nộp và ký vào giấy nộp tiền vào tài khoản của ông. Còn cụ thể ông T nộp vào tài khoản và trả nợ cho Ngân hàng bao nhiêu còn lại bao nhiêu thì anh không rõ, nhưng anh xác định chị L đã giao tiền cho ông T 1.550.000.000đồng để trả nợ đáo hạn ngân hàng ACB và ông T có ký vào giấy mượn tiền ghi ngày 14/01/2020 là đúng. Khi ông T nộp tiền vào tài khoản xong thì ông T bảo anh gọi điện thoại cho chị L để mượn lại giấy chứng minh nhân dân của ông T (vì ông T đưa cho chị L giữ giấy chứng minh và sổ hộ khẩu của ông T). Lúc đó anh có chạy về nhà chị L lấy giấy chứng minh của ông T để đưa cho ông T và ông T làm việc với Ngân hàng nội dung gì thì anh không rõ rồi ông T đưa lại giấy chứng minh cho anh để anh về trả lại cho chị L giữ. Sau đó ông T bảo anh về sáng hôm sau xuống ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Thái H để cùng rút sổ nhà của ông T. Đến sáng ngày 15/01/2020 anh và chị L xuống ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Thái H thì ngân hàng báo lại là ông T vừa rút sổ xong. Chị L có đi tìm và canh ông T xóa thẻ chấp nhưng ông T lén lút đi xóa thẻ chấp vào trưa ngày thứ bảy. Nay chị

L khởi kiện yêu cầu ông T trả 1.550.000.000đồng thì Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Buộc ông Nguyễn Đỗ T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diệp L 1.550.000.000đồng tiền gốc và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Bác lời nại ông Nguyễn Đỗ T không đồng ý trả nợ cho chị Nguyễn Thị Diệp L.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Kim T - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Diệp L và ông Nguyễn Đỗ T đều thống nhất vào ngày 14/01/2020 ông T có ký vào giấy mượn tiền chị L 1.550.000.000đồng. Theo chị L khai thì chị cho ông T vay 1.550.000.000đồng (có viết giấy) để đáo hạn ngân hàng rồi ông T rút sổ nhà của ông tại 63/2 Hai Bà T, Tp. Q, tỉnh B ra vay lại nâng số tiền vay lên rồi lấy tiền trả lại cho chị và hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 0,1%/ngày, thời hạn trả ngày 20/01/2020, khi vay ông T có đưa cho chị L giữ sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của ông T để làm tin. Chị đã giao 1.550.000.000đồng cho ông T nhận tại Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Thái H, lúc đó có chị, ông T, chị T và em chị là anh T đều biết. Sau khi ông T ký vào giấy mượn tiền xong thì ông T bảo chị nộp tiền vào tài khoản cho ông. Trong lúc chị đang nộp 1.550.000.000đồng vào tài khoản của ông T thì gia đình chị bị sự cố nên chị có để tiền lại tại ngân hàng Á Châu giao cho ông T số tiền trên và nhờ em chị là anh T đứng ra nộp tiền vào tài khoản cho ông T. Sau khi chị đi về nhà thì ông T bảo anh T ra ghé ngồi chờ để ông T đứng ra giao dịch với ngân hàng và ông T đã nhận tiền của chị rồi tự mình nộp, ký vào giấy nộp tiền và cụ thể ông T nộp vào tài khoản của ông bao nhiêu thì chị không biết nhưng thực tế chị đã cho ông T vay 1.550.000.000đồng, ông T đã

nhận và ký vào giấy mượn tiền của chị. Sau khi vay tiền của chị, ông T lợi dụng lúc không có mặt chị thì ông đi lấy sổ đỏ nhà ra, tự đi xóa thế chấp mà không trả gốc và lãi cho chị. Đúng hạn trả nợ chị đã đòi nhiều lần nhưng ông T không trả. Còn ông T khai rằng: Ông không thừa nhận nợ chị L 1.550.000.000đồng. Do chị Hoàng Thị Kim T nợ tiền của ông 1.500.000.000đồng vào ngày 01/01/2018 (có viết giấy). Khi đến hạn đáo hạn ngân hàng thì chị T trả nợ cho ông để ông trả nợ ngân hàng rồi vay lại nâng tiền lên lấy tiền cho chị T mượn thêm nhưng do sơ suất nên ông đã ký vào giấy mượn tiền chị L vào ngày 14/01/2020 với số tiền 1.550.000.000đồng mà không xem nội dung. Nhưng thực tế chị T chuyển vào tài khoản của ông 1.500.000.000đồng chứ không phải 1.550.000.000đồng. Vì số tiền này là chị T trả nợ cho ông không phải ông mượn chị L nên ông không đồng ý trả tiền cho chị L. Chị L có quyền khởi kiện chị T trả nợ chứ ông không đồng ý trả. Còn theo lời khai của chị T thì ông T có nhờ chị giới thiệu người cho vay để ông T vay trả nợ đáo hạn ngân hàng nên chị T có thông qua chị Nguyễn Thị Thanh D giới thiệu chị L cho vay đáo hạn nên chị T giới thiệu cho ông T gặp chị L để vay tiền. Vào chiều ngày 14/01/2020 tại Ngân hàng Á Châu – Chi nhánh Nguyễn Thái H ông T có vay chị L 1.550.000.000đồng, lúc đó chị có viết dùm cho ông T giấy mượn tiền và ông T đã đọc lại rồi ký vào giấy mượn tiền của chị L để ông T nộp vào tài khoản trả nợ đáo hạn ngân hàng. Còn việc chị mượn tiền của ông T vào năm 2018 thì giữa chị và ông T tự giải quyết với nhau không liên quan đến việc ông T vay tiền của chị L. Hơn nữa lời khai của anh Mai Xuân T cũng phù hợp với lời khai của chị L và anh T cũng khẳng định là chị L cho ông T vay 1.550.000.000đồng. Việc ông T không thừa nhận nợ chị L 1.550.000.000đồng nhưng ông thừa nhận có người nộp vào tài khoản của ông 1.500.000.000đồng cụ thể ai nộp thì ông không rõ và ông nghĩ đó là tiền chị T trả nợ cho ông. Do lúc đó ông lo sợ chị T không có tiền trả cho ông nên ông ký đại vào giấy mượn tiền chị L mà không xem nội dung.

Xét thấy: Theo giấy mượn tiền ghi ngày 14/01/2020 ông Nguyễn Đỗ T thừa nhận có ký vào giấy mượn tiền do chị L cung cấp nhưng không xem nội dung. Hơn nữa ông T cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của ông theo quy định tại Điều 91, 96 của BLTTDS cho nên lời nại của ông T là không có cơ sở nên không được HĐXX chấp nhận. Mặt khác quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa chị L khai rằng chị cho ông T vay tiền để trả nợ đáo hạn ngân hàng, vay có thời hạn nhưng trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất mà hai bên chỉ thỏa thuận miệng về lãi suất 0,1%/ngày. Còn ông T thì không thừa nhận vay tiền chị L nên cũng không thừa nhận lãi suất.

Như vậy hợp đồng vay ngày 14/01/2020 giữa chị Nguyễn Thị Diệp L và ông Nguyễn Đỗ T là hợp đồng vay có thời hạn, không lãi suất. Do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị L nên chị L yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả gốc 1.550.000.000đồng và lãi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được HĐXX chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số tiền lãi được tính như sau:

Do hợp đồng vay không ghi lãi suất nên tính từ ngày vi phạm hợp đồng là từ ngày 21/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/6/2020 là 4 tháng 26 ngày. Tiền lãi được tính như sau:

$1.550.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} \times 0,83\% / \text{tháng} = 62.610.000 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi ông T phải có nghĩa vụ trả cho chị L là: 1.612.610.000 đồng.

[2.2] Về việc ông T nại rằng chị Hoàng Thị Kim T nợ tiền của ông thì chị T phải có nghĩa vụ trả cho chị L nên ông không đồng ý trả tiền cho chị L. Đây là quan hệ vay mượn riêng giữa ông T và chị T không có liên quan trong vụ án này nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu ông T có yêu cầu thì giải quyết thành một vụ án khác.

[2.3] Về án phí : Ông Nguyễn Đỗ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử :

1. Buộc ông Nguyễn Đỗ T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diệp L 1.612.610.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm mười hai triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

2. Không chấp nhận lời nại của ông Nguyễn Đỗ T cho rằng ông không đồng ý trả nợ cho chị L mà ông yêu cầu chị Hoàng Thị Kim T trả nợ cho chị Nguyễn Thị Diệp L.

3. Sau khi ông Tùng trả xong số tiền trên thì chị Nguyễn Thị Diệp Lợi có nghĩa vụ trả lại sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân cho ông Nguyễn Đỗ Tùng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đỗ T phải nộp: 60.378.000 đồng (Sáu mươi triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Diệp L được nhận lại 29.250.000 đồng (Hai mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007540 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Q;
- THADSTP.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương